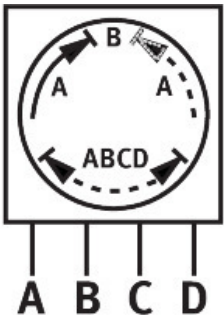
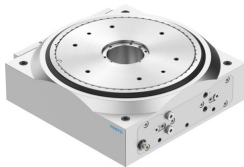


**Xy lanh bàn xoay**  
**DHTG-220-3-A**  
Số bộ phận: 555451

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                 |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                            | 220                                                                     |
| Tính song song của tấm                | 0.04 mm                                                                 |
| Tấm chạy dọc trục                     | 0.02 mm                                                                 |
| Tấm đồng tâm                          | 0.02 mm                                                                 |
| Độ chính xác lặp lại của góc xoay     | 0.03 °                                                                  |
| Đệm                                   | Bộ giảm chấn, đường cong cứng, có thể điều chỉnh                        |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kì                                                                  |
| Nguyên tắc vận hành                   | tác động kép                                                            |
| Cấu trúc xây dựng                     | Ly hợp bánh xích<br>Thanh răng/bánh răng<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức |
| Phát hiện vị trí                      | cho cảm biến cảm ứng                                                    |
| Phân chia                             | 3                                                                       |
| Áp suất vận hành                      | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                                      |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                  |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L                                                          |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...80 °C                                                          |
| Mức áp suất âm thanh                  | 70 dB(A)                                                                |
| Mức độ bảo vệ                         | IP54                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | 5 °C...60 °C                                                            |
| Mô-men quán tính khối lượng           | 25000 kgcm <sup>2</sup>                                                 |
| Lực dọc trục tĩnh tối đa              | 5000 N                                                                  |
| Mô-men nghiêng tối đa tĩnh            | 500 N m                                                                 |
| Lực hướng tâm tối đa tĩnh             | 8000 N                                                                  |
| Mô-men tiếp tuyến tối đa tĩnh         | 500 N m                                                                 |

| Đặc tính                                          | Giá trị                        |
|---------------------------------------------------|--------------------------------|
| Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 58.9 N m                       |
| trọng lượng sản phẩm                              | 24000 g                        |
| Kiểu gắn                                          | với lỗ xuyên và vòng măng sông |
| Cổng nối khí nén                                  | Ren trong G1/8                 |
| Vật liệu tấm                                      | Thép mạ kẽm                    |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                  |
| Vật liệu dừng                                     | Thép mạ kẽm                    |
| Vật liệu phủ                                      | Hợp kim nhôm rèn               |
| Vật liệu của phốt                                 | NBR<br>TPE-U (PU)              |
| Vật liệu vỏ                                       | Hợp kim nhôm rèn               |